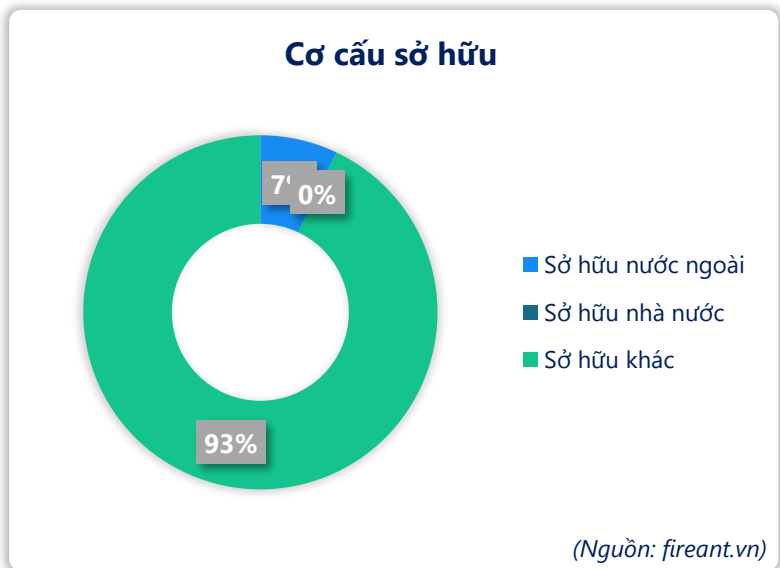
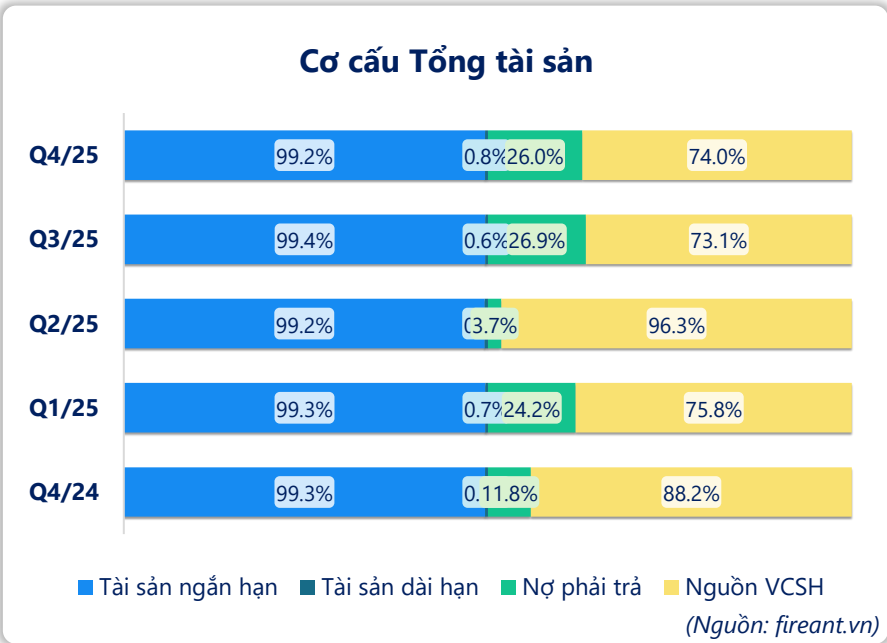
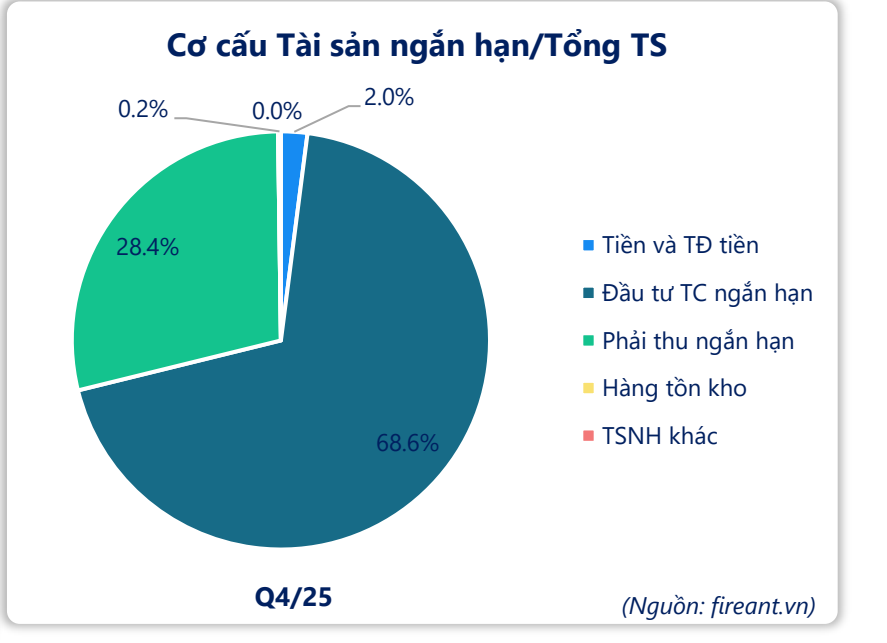
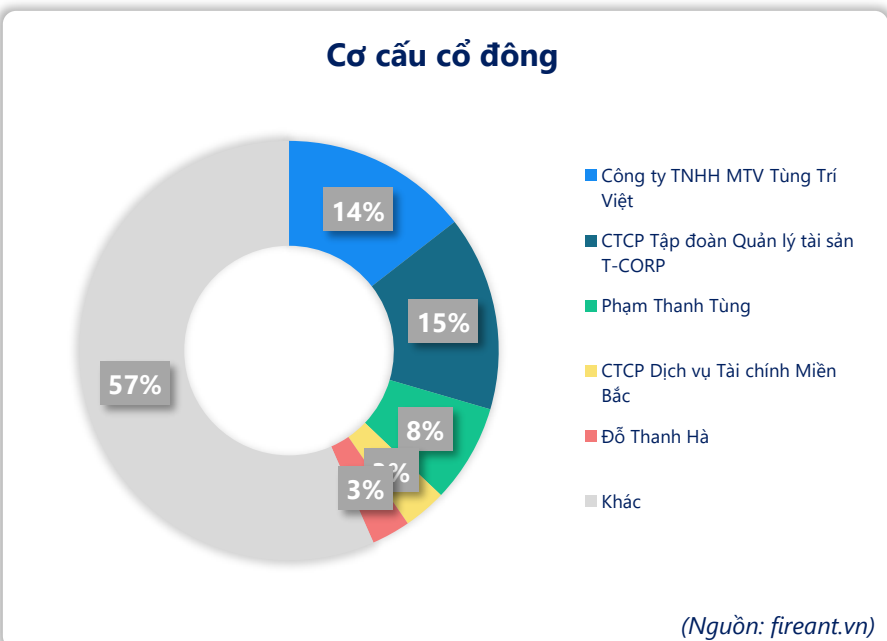
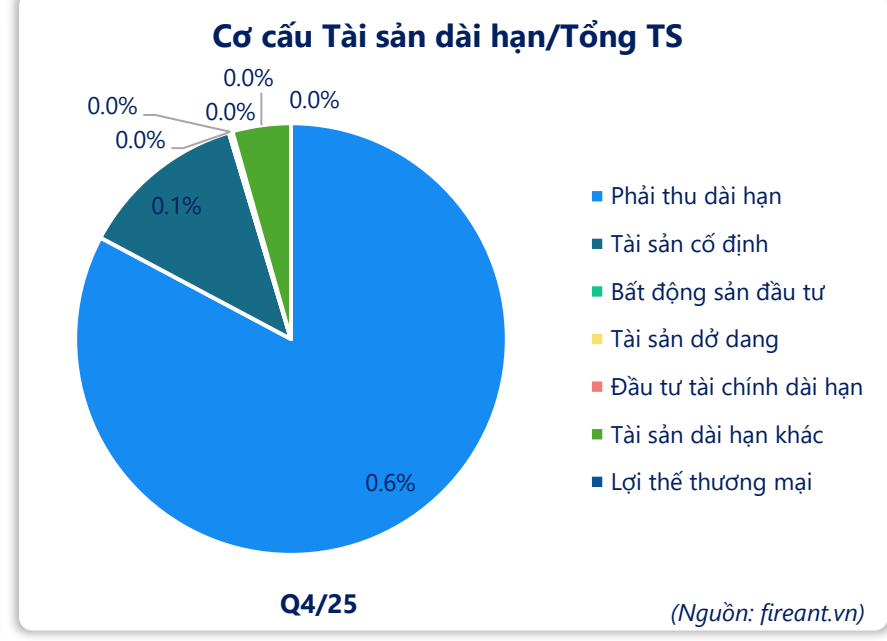
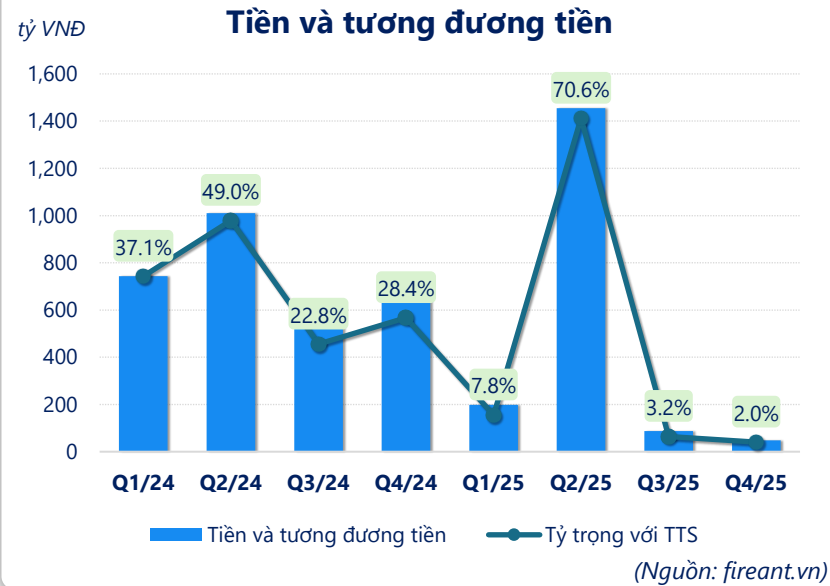
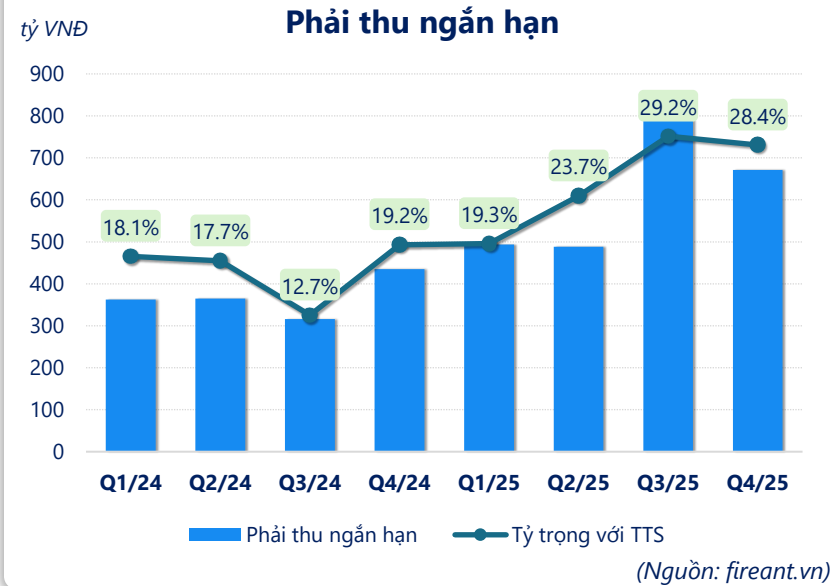
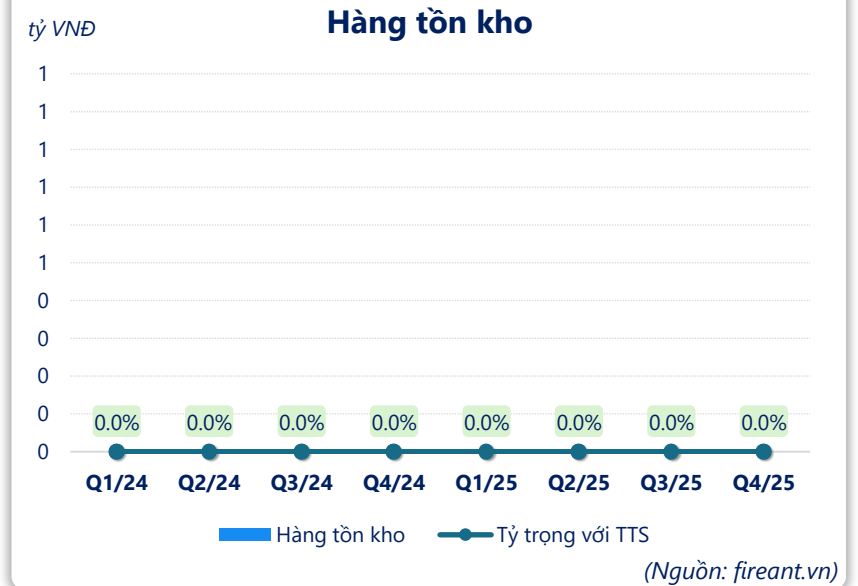
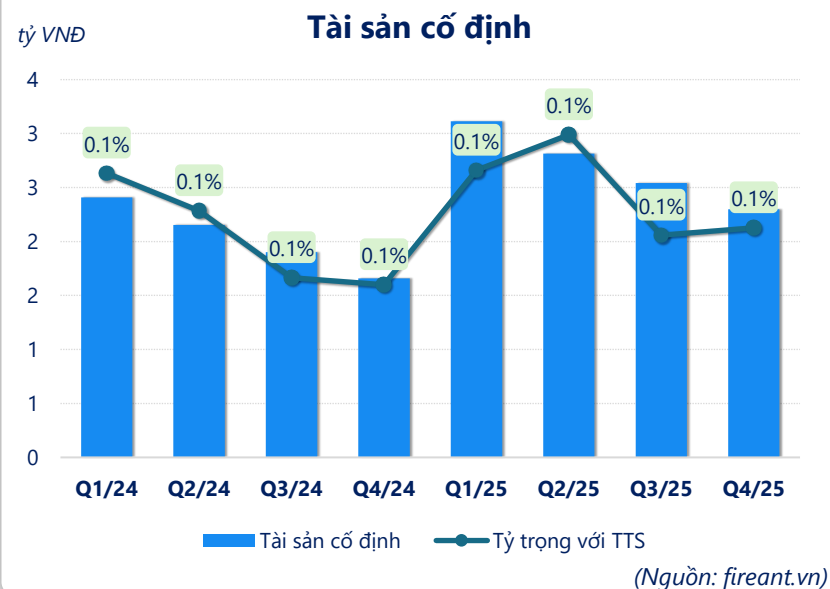
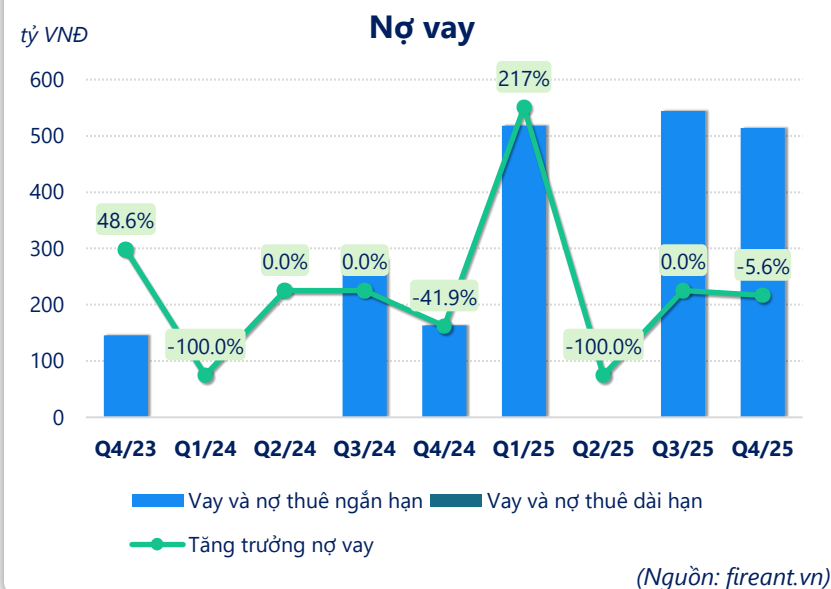
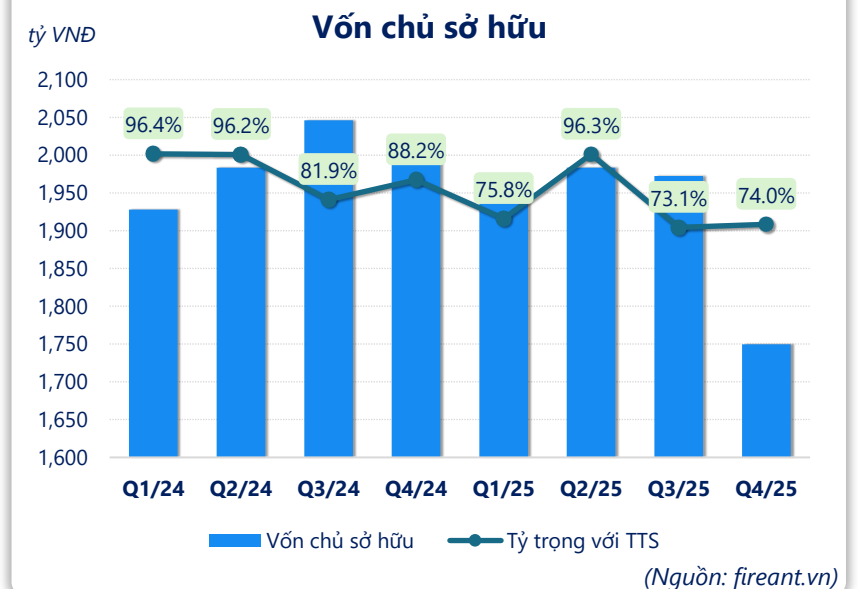
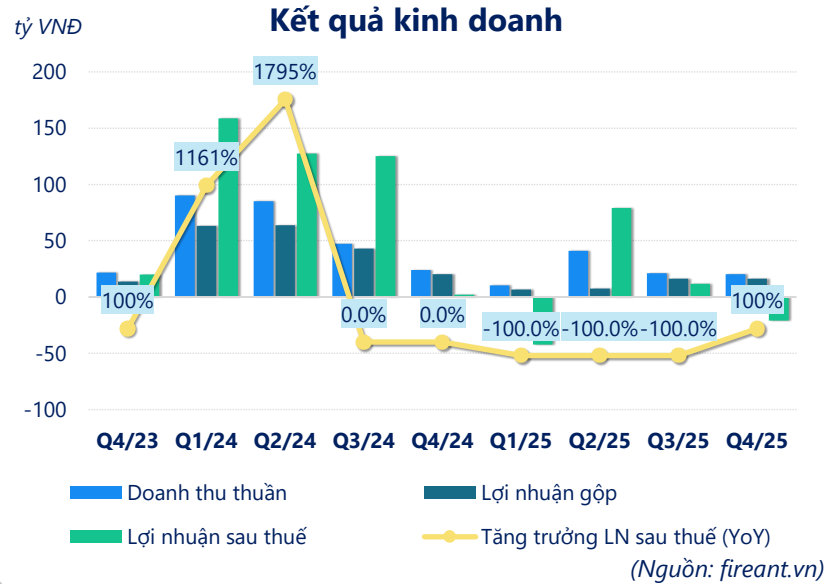
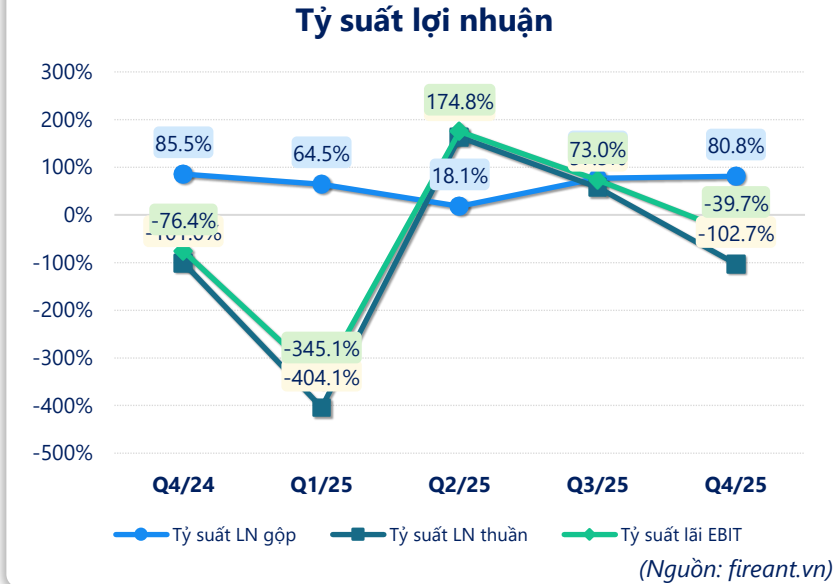
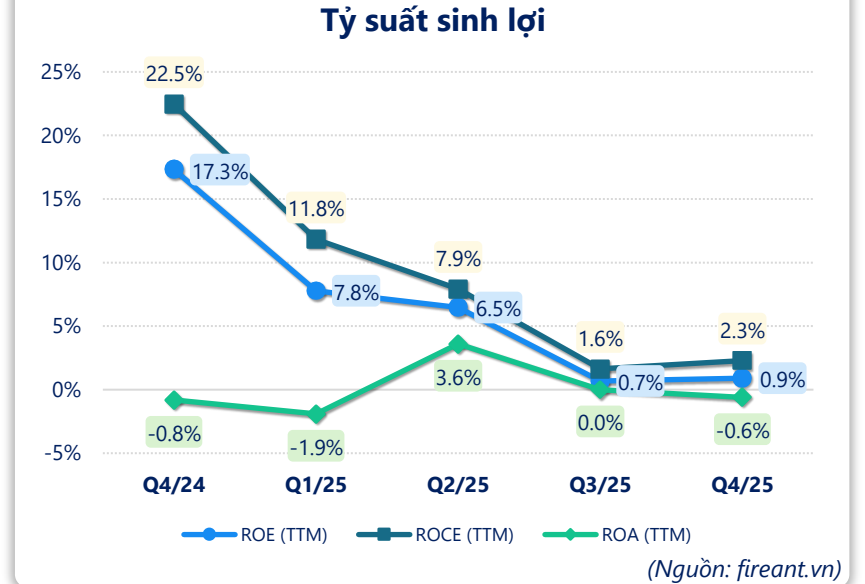
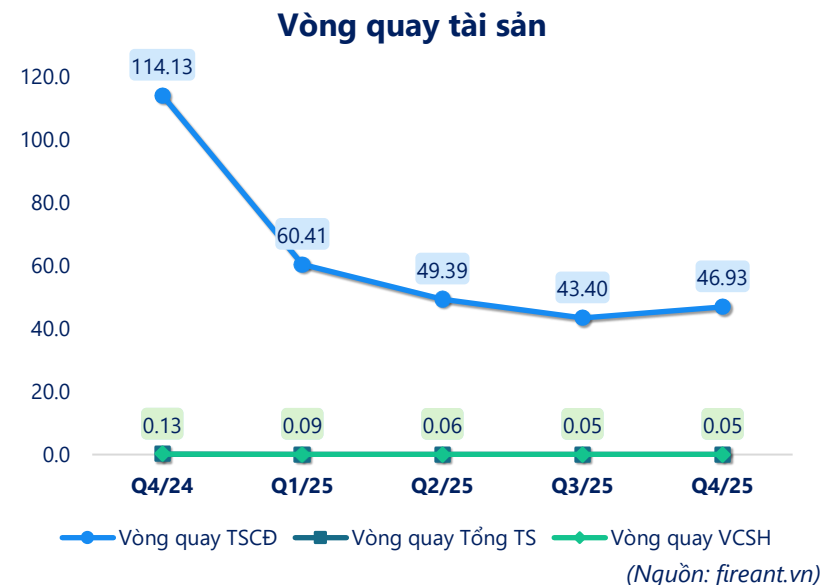
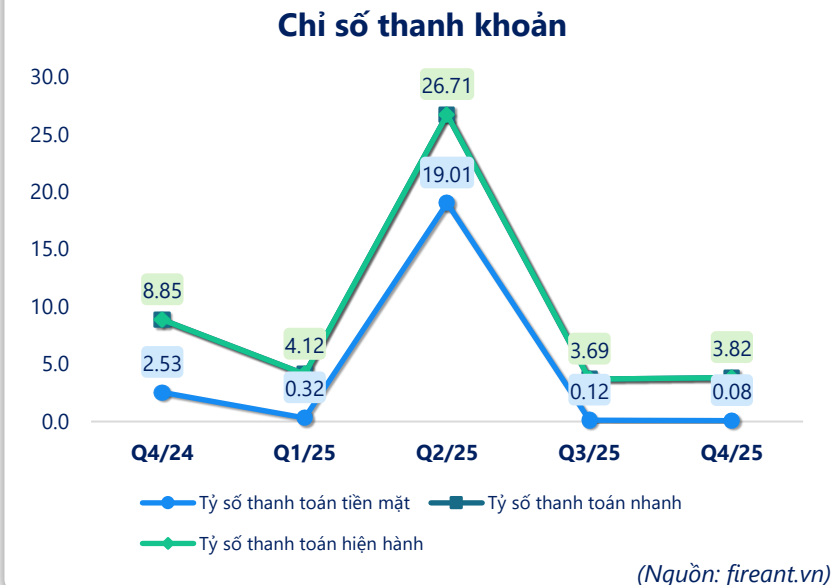
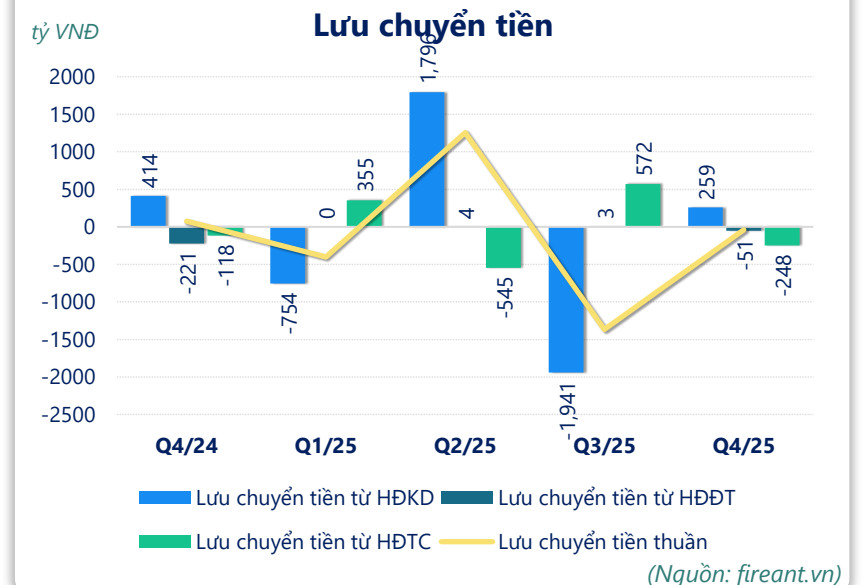


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,900
SL cổ phiếu LH		96,155,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)		126,760
% sở hữu nước ngoài		7.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		827
P/E		48.8
EPS		176

	YTD	1T	3T	6T
TVC	-17.3%	-7.5%	-27.1%	-9.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,363	2,281	3.6%
Tài sản ngắn hạn	2,345	2,264	3.6%
Tiền và tương đương tiền	47.8	599	-92.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,621	1,166	39.0%
Phải thu ngắn hạn	671	491	36.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	5.12	9.42	-45.7%
Tài sản dài hạn	18.3	17.0	7.6%
Phải thu dài hạn	15.1	15.0	0.8%
Tài sản cố định	2.30	1.66	38.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.05	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.80	0.31	161%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	613	273	125%
Nợ ngắn hạn	613	260	136%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	514	163	215%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.21	18.7	-98.9%
Nợ dài hạn	0	12.7	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,750	2,008	-12.9%
Vốn chủ sở hữu	1,750	2,008	-12.9%
Vốn điều lệ	962	1,186	-18.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	23.9	10.4	41.0	21.1	20.3
Giá vốn hàng bán	3.45	3.69	33.6	4.89	3.91
Lợi nhuận gộp	20.4	6.70	7.42	16.2	16.4
Doanh thu HĐTC	39.9	6.07	68.6	26.1	25.6
Chi phí TC	38.5	42.9	-3.05	118	83.3
Chi phí lãi vay	6.06	6.44	5.18	3.58	12.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	34.7	0.05	0.04	0.11	0.17
Chi phí QLDN	11.2	11.8	12.1	-88.0	-20.6
LN thuần từ HĐKD	-24.1	-42.0	67.0	12.1	-20.9
Lợi nhuận khác	-0.18	-0.30	-0.44	-0.26	-0.06
LN trước thuế	-24.3	-42.3	66.5	11.8	-20.9
Lợi nhuận sau thuế	2.17	-42.3	79.2	11.8	-20.9
LNST của CĐ cty mẹ	-17.2	-43.5	74.2	0.17	-14.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	414	-754	1,796	-1,941	259
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-221	0	4.29	2.78	-50.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-118	355	-545	572	-248
Tiền đầu kỳ	569	599	199	1,454	87.4
Lưu chuyển tiền thuần	75.3	-400	1,255	-1,367	-39.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	644	199	1,454	87.4	47.8

(Nguồn: fireant.vn)